

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển
Trường Đại học Y khoa Vinh giai đoạn 2019 – 2025 và tầm nhìn đến 2030”**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Quyết định số 70/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1077/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y khoa Vinh;

Căn cứ Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 29/01/2019 của Tổ đánh giá và hiệu chỉnh chiến lược phát triển Trường ĐHYK Vinh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030;

Xét tình hình thực tế và nhu cầu phát triển của Nhà trường giai đoạn 2019-2025 và tầm nhìn đến 2030;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Y khoa Vinh giai đoạn 2019 - 2025 và tầm nhìn đến 2030”.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1076/QĐ-ĐHYKV ngày 03/12/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHYK Vinh về việc ban hành “Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Y khoa Vinh giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến 2030” .

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức và sinh viên Trường Đại học Y khoa Vinh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCCB



Nguyễn Cảnh Phú

**CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH
GIAI ĐOẠN 2019 – 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 767/QĐ-ĐHYKV ngày 05 tháng 09 năm 2019 của
Hiệu trưởng trường ĐHYK Vinh)*

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

Trường Đại học Y khoa (ĐHYK) Vinh được thành lập từ tháng 7/2010 theo *Quyết định số 1077/QĐ-TTg* ngày 13/07/2010 của Thủ tướng chính phủ, trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Y tế Nghệ An. Trường đã có bề dày lịch sử gần 60 năm trong đào tạo nguồn nhân lực cho ngành y tế, khởi đầu là trường Trung học Y tế Nghệ An (năm 1960), Cao đẳng Y tế Nghệ An (năm 2003) và năm 2010 trở thành trường đại học (DH).

Tôn chỉ mục đích của trường được ghi trong “Dự án thành lập trường Đại học Y khoa Vinh” năm 2010 là: “Xây dựng và phát triển Trường Đại học Y khoa Vinh trở thành trường Đại học Y đào tạo đa ngành, đa cấp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; lấy chất lượng làm mục tiêu ngắn hạn, trung và dài hạn. Từng bước phát triển thành trung tâm khoa học y học uy tín và có thương hiệu”. Giai đoạn đầu, Trường trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An, sau đó tùy theo xu thế phát triển và nhu cầu thực tế, có thể Trường trực thuộc Bộ, Ngành Trung ương quản lý.

Sứ mạng của nhà trường được tuyên bố trong Quyết định số 692/QĐ-ĐHYKV ngày 25/8/2019 là “Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân”. Tầm nhìn đến năm 2030: “Xây dựng Trường ĐHYK Vinh trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ cao, đảm bảo chất lượng; là Trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về Y Dược có uy tín”.

Trong gần 60 năm qua, đặc biệt là từ khi trở thành trường DH, nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng các chiến lược hoạt động, trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCĐ), phát triển nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, cải thiện điều kiện sống, làm việc và học tập cho cán bộ viên chức (CBVC) và người học (NH).

1.1. Cơ cấu tổ chức quản lý

Trường ĐHYK Vinh là cơ sở giáo dục DH công lập, nằm trong hệ thống các trường DH của cả nước, trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An, chịu sự quản lý của nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Bộ Y tế; là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách

pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của nhà trường do Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An bổ nhiệm, nhiệm kỳ 5 năm; trưởng các đơn vị trực thuộc do Hiệu trưởng bộ nhiệm, nhiệm kỳ 5 năm.

Hiện nay, trường ĐHYK Vinh có 10 phòng chức năng gồm Đào tạo, Đào tạo Sau ĐH, Công tác chính trị - Học sinh sinh viên, Tài chính - Kế toán, Hành chính, Quản trị - Vật tư - Trang thiết bị, Tổ chức Tổng hợp, Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; 08 khoa chuyên môn gồm Chẩn đoán hình ảnh, Y học lâm sàng hệ Nội, Y học lâm sàng hệ Ngoại, Y cơ sở, Y tế công cộng, Điều dưỡng cơ bản và Kỹ thuật y học, Dược, Khoa học cơ bản với 28 bộ môn trực thuộc các khoa. Ngoài ra trường còn có 03 đơn vị phục vụ đào tạo và NCKH gồm: Bệnh viện Trường ĐHYK Vinh (*thành lập theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An*), Trung tâm Học liệu - Thư viện, Ban quản lý Ký túc xá.

Các tổ chức đoàn thể trong trường gồm Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên; hoạt động một cách hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

1.2. Hoạt động đào tạo

Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế cho tỉnh Nghệ An và các tỉnh trong khu vực, đồng thời đảm bảo bước chuyển giao trong đào tạo khi trường được nâng cấp lên ĐH, hiện nay trường ĐHYK Vinh đang đào tạo cả trình độ sau ĐH, ĐH và cao đẳng. Tuy nhiên chỉ tiêu đào tạo trình độ cao đẳng đang giảm dần và tiến tới ngừng đào tạo trình độ cao đẳng, tập trung đào tạo ĐH và sau ĐH.

Về các mã ngành đào tạo, hiện nay nhà trường có:

- 01 mã ngành đào tạo sau ĐH: Chuyên khoa I Nội khoa (45 Học viên).
- 06 ngành ĐH: Y khoa, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng, Cử nhân xét nghiệm, Dược sĩ ĐH.
- 05 mã ngành Cao đẳng: Dược, Điều dưỡng Đa khoa, Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh.

1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác trong nước và quốc tế

Công tác NCKH được Nhà trường xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trong những năm qua, CBVC nhà trường đã thực hiện được nhiều đề tài NCKH cấp tỉnh, cấp cơ sở; viết nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế; tham gia nhiều Hội nghị khoa học chuyên sâu. Năm 2016, Nhà trường đã thực hiện được 03 đề tài cấp tỉnh, 12 đề tài cấp cơ sở đã được Hội đồng Khoa học các cấp đánh giá, nghiệm thu đạt loại xuất sắc; 03 sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh. Năm

2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện 03 đề tài NCKH cấp tỉnh đã nghiệm thu xếp loại xuất sắc; 17 đề tài cấp cơ sở đã được đánh giá, nghiệm thu, trong số đó có 03 đề tài đạt giải sáng tạo khoa học công nghệ tỉnh Nghệ An. Năm 2018 Nhà trường cũng có 3 đề tài cấp tỉnh, 12 đề tài cấp cơ sở và rất nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm đến hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế, đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa CBGV, SV của trường với một số trường trong khu vực và thế giới, như: Nhật Bản, Thái Lan, Phần Lan,... góp phần nâng cao uy tín, chất lượng đào tạo.

1.4. Hoạt động phục vụ cộng đồng

Mô hình học tập PVCĐ đã trở nên khá phổ biến ở nhiều trường ĐH có uy tín. Hoạt động kết nối PVCĐ gắn liền với hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác trong nước và quốc tế, tư vấn, chăm sóc sức khỏe và hoạt động thiện nguyện. Theo mô hình này, người học áp dụng kiến thức vào thực tế, kết quả của quá trình học tập hướng đến nhu cầu cộng đồng. Với trường đào tạo nhân lực y tế, phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, Trường DHYK Vinh rất chú trọng đến các hoạt động PVCĐ và giáo dục ý thức trách nhiệm công dân của SV với cộng đồng. Ngoài giảng dạy năng lực chuyên môn, Nhà trường khuyến khích giảng dạy các kỹ năng sống, ứng xử trong tình huống thực, đối với bệnh nhân, với đồng nghiệp. Tổ chức Đoàn, Hội tại Trường hỗ trợ tích cực SV trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân như các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, chăm sóc bệnh nhân, gắn kết kiến thức chuyên môn của ngành học vào PVCĐ. Nhà trường còn có các học phần được tổ chức học tập tại cộng đồng, nghiên cứu và phát hiện các vấn đề sức khỏe, qua đó giáo dục năng lực tổ chức, làm việc nhóm, tăng cường kỹ năng giao tiếp, viết và trình bày báo cáo khoa học.

PHẦN 2.

CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐHYK VINH GIAI ĐOẠN 2019-2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển

2.1.1. *Tầm nhìn đến năm 2030*

Xây dựng trường Đại học Y khoa Vinh trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực Y tế trình độ cao, đảm bảo chất lượng; là Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về Y Dược có uy tín.

2.1.2. *Sứ mạng*

Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

2.1.3. *Giá trị cốt lõi*

Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển

“Chuyên nghiệp” là sự chuyên tâm vào nghề nghiệp, công việc; chuyên tâm và tận lực với nghề nghiệp, công việc của mình thì chất lượng và hiệu quả làm việc sẽ cao hơn. Nhà trường cũng đã xác định “Chất lượng” luôn được ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động và “Hội nhập” là cơ hội để “Phát triển” bền vững.

2.1.4. *Định hướng phát triển*

Xây dựng trường ĐHYK Vinh trở thành một Trường ĐH định hướng ứng dụng. Xây dựng và vận hành hệ thống quản trị chất lượng giáo dục trên cơ sở bộ chuẩn, tác động vào tất cả các lĩnh vực của Nhà trường và tất cả các giai đoạn của quá trình đào tạo, nhằm tạo ra những sản phẩm của quá trình đào tạo có chất lượng tốt nhất, hướng tới cộng đồng và PVCĐ.

2.2. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Đào tạo

2.2.1. *Mục tiêu chung*

Đào tạo nguồn nhân lực y, dược chất lượng cao; theo khung năng lực quốc gia, chuẩn năng lực nghề nghiệp, từng bước hội nhập quốc tế; đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

2.2.2. *Mục tiêu cụ thể*

- Chất lượng tuyển sinh đầu vào: Thí sinh trúng tuyển nằm trong số 30% những thí sinh có điểm thi cao nhất của cả nước.

- Các CTĐT, đề cương chi tiết học phần của Nhà trường được thực hiện kiểm định chất lượng chương trình theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; rà soát, cập nhật, chỉnh sửa,

cải tiến chất lượng 2 năm/lần. Cập nhật theo hướng hội nhập 1-2 CTĐT chính qui:

- Giáo trình đào tạo các ngành được chuẩn hóa theo CTĐT, cập nhật 2 năm/lần. Nội dung giảng dạy trong từng năm học được cập nhật ngay khi có các quy định mới, các thay đổi quan trọng trong lĩnh vực y dược trong nước và quốc tế.

- Tăng cường và duy trì qui trình kiểm định chất lượng CTĐT: rà soát, đánh giá CTĐT, chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết học phần hàng năm theo chương trình.

- Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng về đào tạo: qui chế đào tạo, qui định, chính sách về hoạt động đào tạo. Nâng cao chất lượng đội ngũ GV; nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm, kiểm soát bô học theo ngành.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá kết quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo: tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm 1 lần/năm về phương pháp giảng dạy; hội thi giờ giảng chuyên môn khá giỏi từ 75%; khảo sát GV sau kết thúc học phần đạt 75% trở lên.

- Mở rộng qui mô đào tạo: tăng số lượng SV nhà trường đến năm 2020 đạt 6000 – 8000 người học; năm 2030 đạt trên 10.000; học viên sau ĐH chiếm trên 2% tổng số SV chính quy.

- Tăng cường thu hút SV quốc tế đến học tập, nghiên cứu tại Trường.

- Phát triển tối thiểu 2 chuyên ngành mới (như bác sĩ gia đình, bác sĩ răng hàm mặt, chuyên khoa I Sản phụ khoa, Ngoại khoa, Y tế công cộng..). Mở rộng đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, cao đẳng lên ĐH. Tăng các khóa đào tạo liên tục cấp chứng nhận, chứng chỉ theo quy định; đào tạo theo đơn đặt hàng; đào tạo có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu của các cơ sở y tế trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

- Tăng các lớp đào tạo liên tục đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.2.3. Giải pháp về đào tạo

2.2.3.1. Nâng cao chất lượng tuyển sinh ĐH và sau ĐH

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh nổi bật của Trường ĐHYK Vinh trong đào tạo, nghiên cứu để thu hút thí sinh giỏi.

- Phát triển quan hệ với các Trường Trung học phổ thông trong tỉnh, tổ chức thường xuyên các hoạt động truyền thông để tạo hình ảnh, uy tín và giúp các em học sinh, phụ huynh hiểu rõ về Nhà trường. Thực hiện một số hoạt động tài trợ cho các Trường THPT tiềm năng lớn.

- Xây dựng quy chế tuyển thẳng riêng để có thể thu hút các em học sinh tại những trường có uy tín vào học tại Trường ĐHYK Vinh. Tăng tỷ lệ cấp học bổng cho những học sinh thi đầu vào điểm cao.

- Chỉ tuyển những thí sinh giỏi, đáp ứng tiêu chuẩn. Số lượng SV tuyển vào được xác định dựa trên năng lực đào tạo (GV, cơ sở vật chất) của Nhà trường.

- Xây dựng và từng bước thực hiện quy chế tuyển sinh theo nhu cầu nhân lực y tế

trong tỉnh và khu vực Bắc Trung bộ; quan tâm đến đào tạo liên tục đáp ứng yêu cầu của các cơ sở y tế trong tỉnh và khu vực lân cận.

2.2.3.2. Nâng cao chất lượng CTĐT

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT; từng bước nâng cao chất lượng CTĐT theo chuẩn quốc gia và hoàn thành đánh giá CTĐT theo quy định.

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện giáo trình. Định kỳ đánh giá việc sử dụng giáo trình chuẩn trong giảng dạy ở trường ĐHYK Vinh để rút kinh nghiệm; cập nhật ít nhất 2 năm/lần nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy – học tập. Giáo trình lựa chọn đưa vào giảng dạy chính thức cần phải được hội đồng khoa học thông qua.

- Chú trọng việc thiết kế CTĐT gắn với yêu cầu năng lực nghề nghiệp, tăng tính ứng dụng vào thực tiễn. Tăng thời lượng thảo luận các tình huống lâm sàng thực tế, tăng thời lượng đi lâm sàng, đi thực tế cộng đồng của SV.

- Khuyến khích các bên liên quan như lãnh đạo các cơ sở y tế, các cán bộ y tế góp ý về chương trình, nội dung đào tạo và phản hồi về chất lượng SV ra trường để Trường ĐHYK Vinh có thể cải tiến chương trình, nội dung cho phù hợp hơn.

- Định kỳ (3 hoặc 5 năm một lần) đánh giá các CTĐT để loại bỏ những chương trình không còn phù hợp và cải tiến những chương trình còn được tiếp tục để nâng cao chất lượng đào tạo.

2.2.3.3. Phát triển tài liệu tham khảo và tình huống phục vụ đào tạo

- Khuyến khích GV viết các tài liệu tham khảo gắn với thực tiễn, cập nhật thông tin y, dược trên thế giới; dựa trên thực chứng. Những tài liệu tham khảo này vừa góp phần làm phong phú vốn tri thức, vừa là cầu nối giáo trình quốc tế với thực tiễn Việt Nam. Ngoài việc GV tự chọn đề tài để viết tài liệu tham khảo, Nhà trường có thể đưa ra những chủ đề cần thiết đặt hàng cho GV. Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí và tính điểm công trình khoa học cho GV viết các tài liệu tham khảo, nhất là những tài liệu được đánh giá cần thiết và có chất lượng.

- Đẩy mạnh biên soạn các tình huống gắn với thực tế công việc tại các cơ sở y tế, các trung tâm dược. Chuyển các đề tài nghiên cứu ứng dụng y, dược thành tình huống. Tăng cường quan hệ hợp tác, giao lưu giữa GV với các cơ sở y, dược tuyến Trung ương. Khuyến khích các GV đang học tập sau ĐH tại các bệnh viện tuyến Trung ương và các GV kiêm nhiệm tại các bệnh viện viết các tình huống lâm sàng để làm tài liệu phục vụ đào tạo, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề, năng lực làm việc nhóm cho SV.

- Thực hiện chính sách động viên khuyến khích cho các GV tham gia viết tình huống học tập. Áp dụng các hình thức khen thưởng, tính giờ giảng cho các GV viết tình huống. Dành một khoản ngân sách thỏa đáng cho hoạt động viết tình huống học tập.

2.2.3.4. Đổi mới phương pháp dạy và học

- Áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, dạy học dựa trên năng lực, chú trọng sự tham gia chủ động, tích cực của SV trong quá trình học. GV giữ vai trò là người định hướng, giúp đỡ SV trong việc khám phá tri thức, giúp SV tiếp cận những nguồn tài liệu bổ ích. Khuyến khích, khơi dậy tiềm năng của SV trong nghiên cứu, học tập, tăng cường khả năng tự học, tự trưởng thành và ý thức học tập suốt đời. Tăng thời gian thảo luận và thuyết trình các tình huống, các vấn đề khoa học và thực tiễn nghề nghiệp. Thay đổi cách đánh giá kết quả học tập nhằm khuyến khích SV chủ động sáng tạo trong học tập và trong việc ứng dụng kiến thức học được vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến để ứng dụng vào trong Nhà trường.

- Mở các lớp đào tạo, tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy tiên tiến cho GV. Thực hiện các chính sách hỗ trợ khác nhằm giúp GV áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến một cách hiệu quả.

2.2.3.5. Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Thực hiện nguyên tắc đánh giá phải nhằm khuyến khích SV tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, chú trọng đánh giá quá trình.

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá SV trên cơ sở chuẩn năng lực quốc gia về nghề nghiệp của từng chuyên ngành đào tạo, tham khảo các chuẩn đánh giá của các trường uy tín.

- Tổ chức các buổi trao đổi về đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của SV theo chuẩn đã xây dựng để giúp GV có thể thực hiện việc đánh giá SV đúng đắn và mang tính thống nhất hơn.

2.2.3.6. Phát triển các chuyên ngành mới

Dựa trên nhu cầu nhân lực y dược trong tỉnh và nhu cầu của xã hội để thiết kế các chuyên ngành đào tạo mới, phù hợp; như bác sĩ gia đình, bác sĩ răng hàm mặt, y học cổ truyền, chuyên khoa I Sản phụ khoa, Ngoại khoa, Y tế công cộng, Tiến sĩ y tế công cộng,...

2.2.3.7. Kiểm định CTĐT theo chuẩn quốc gia

- Xây dựng lộ trình kiểm định CTĐT.
- Triển khai kiểm định các CTĐT cùng lúc để kịp hoàn thành tiến độ kiểm định vào năm 2020.

- Thực hiện chính sách động viên khuyến khích cho những nhân sự tham gia công tác kiểm định (thu nhập, đào tạo hướng dẫn trước khi thực hiện công việc kiểm định,...).

2.2.3.8. Tăng số lượng SV quốc tế

- Thu hút SV quốc tế đến học tập, nghiên cứu, hội thảo và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm với Trường ĐHYK Vinh nhằm góp phần làm cho trường trở thành môi trường học tập nghiên cứu mang tính quốc tế.

- Hoàn thiện chương trình trao đổi SV hấp dẫn đối với các trường ĐH nước ngoài.

Thiết kế chương trình ngoại khóa hấp dẫn theo hướng cho các SV nước ngoài được trải nghiệm về văn hóa, học tập tại các cơ sở y tế của Việt Nam với nhiều mặt bệnh đặc thù của vùng nhiệt đới. Kết hợp học tập nghiên cứu với các hoạt động mang tính du lịch, khám phá văn hóa, di tích Việt Nam cho SV nước ngoài để tăng tính hấp dẫn.

- Xây dựng khu ký túc xá dành riêng cho SV quốc tế đến học tập, nghiên cứu, tham gia hội thảo tại Trường ĐHYK Vinh.

- Thiết lập mạng lưới các gia đình chấp nhận cho SV nước ngoài ở trong thời gian học tại trường ĐHYK Vinh theo hình thức homestay (ở chung với gia đình bản địa) nhằm tạo điều kiện cho SV quốc tế có cơ hội tìm hiểu, giao lưu văn hóa Việt Nam.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Đào tạo

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Rà soát và cải tiến tất cả các chương trình	1.1. Rà soát và cập nhật CTĐT, Đề cương chi tiết học phần chuẩn đầu ra CTĐT (2 năm 1 lần)	100% các CTĐT, CDR, Đề cương chi tiết học phần được rà soát, điều chỉnh cải tiến		100% các CTĐT, CDR, Đề cương chi tiết học phần được rà soát, điều chỉnh cải tiến		100% các CTĐT, CDR, Đề cương chi tiết học phần được rà soát, điều chỉnh cải tiến
	1.2. Cập nhật CTĐT theo hướng hội nhập		- Y khoa - Điều dưỡng		- Y khoa - Điều dưỡng	
2. Triển khai tự đánh giá, đánh giá ngoài	2.1. Thực hiện rà soát đánh giá CTĐT, CDR, Đề cương học phần	TĐG Y khoa;	- ĐGN Y khoa - TĐG; ĐGN Điều dưỡng	- ĐGN; TĐG XNYH; YTCC	- ĐGN; TĐG YHDP	- ĐGN; TĐG Dược học
	2.2. Xây dựng, rà soát, điều chỉnh toàn bộ quy chế, quy trình, quy định, chính sách về hoạt động đào tạo		100% văn bản quy chế, quy trình, quy định, chính sách về hoạt động đào tạo được xây dựng, rà soát, điều chỉnh			

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC							
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025			
3. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng về đào tạo	3.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ GV	100% GV có trình độ Thạc sĩ trở lên, đảm bảo điều kiện 15 SV/ 01 GV							
	3.2. Tỷ lệ tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp đạt > 95%							
	3.3. Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm > 80%	Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm > 80%	Duy trì trên 85%						
	3.4. Tỷ lệ bỏ học theo ngành	Tỷ lệ bỏ học theo ngành < 5%							
4. Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá kết quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	4.1. Tổ chức Hội nghị, Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội nghị đổi mới phương pháp dạy học 1 lần/năm. - Đến 2025 100% môn đổi mới giảng dạy. 							
	4.2. Tỷ lệ giờ giảng được Hội đồng chuyên môn đánh giá khá, giỏi	75%	Duy trì trên 85%						
	4.3. Tỷ lệ GV được người học đánh giá	75%	Duy trì trên 85%						
5. Mở rộng quy mô đào tạo	5.1. Tăng số lượng SV	Tăng chỉ tiêu thêm 10%							
	5.2. Tăng mã ngành ĐH sau ĐH (thạc sĩ, CKI)	- Thạc sĩ YTCC - Thạc sĩ Nội	- Thạc sĩ TMH	- CKII Nội	- Thạc sĩ Sản				

2.3. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Quản trị đại học

2.3.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng quản trị ĐH theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế quản trị ĐH của các trường tiên tiến, phù hợp với vai trò và vị trí của Trường ĐHYK Vinh trong hệ thống các trường ĐH. Chuyển dần từ mô hình tự chủ từng phần thành tự chủ toàn phần.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng và vận hành hệ thống quản trị chất lượng giáo dục trên cơ sở bộ chuẩn, tác động vào tất cả các lĩnh vực của Nhà trường và tất cả các giai đoạn của quá trình đào tạo, nhằm tạo ra những sản phẩm của quá trình đào tạo có chất lượng tốt nhất, hướng tới cộng đồng và PVCĐ.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Nhà trường; thành lập các khoa/bộ môn trực thuộc phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.

- Xây dựng các quy trình làm việc theo chuẩn, tin học hóa quản trị ĐH.

2.3.3. Giải pháp về quản trị ĐH

- Nâng cao năng lực quản trị ĐH từ cấp Trường đến cấp phòng/ban, khoa/bộ môn; tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ CBVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động hành chính, xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức theo hướng tự chủ, tổ chức và hoạt động theo cơ chế mở và liên thông, liên kết trong sự quản lý và điều phối thống nhất, quản trị đảm bảo chất lượng ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo.

- Xây dựng các tổ chức, đơn vị cần thiết, phù hợp nhu cầu phát triển của Trường; chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận; chuẩn hóa các quy trình làm việc; kết nối giữa các bộ phận một cách hiệu quả.

- Sản xuất, xuất bản tờ rơi, sách giới thiệu, video clip, youtube.. giới thiệu Trường; cải tiến hình thức, tăng cường nội dung thông tin và trao đổi học thuật trên trang Web Trường.

- Cải tạo và đồng bộ hóa hạ tầng mạng nội bộ; tăng cường trang thiết bị kỹ thuật, phần mềm cho các phòng/ban, văn phòng các khoa, phòng làm việc; tăng cường hiệu quả sử dụng công thông tin nhằm tăng tính liên kết trong quản lý các hoạt động của Nhà trường.

2.4. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

2.4.1. Mục tiêu chung

- Hoàn thiện hệ thống ĐBCLGD bên trong của Nhà trường.
- Rà soát và cải tiến tất cả các hoạt động ĐBCL theo Quy định của Bộ GD&ĐT.
- Triển khai TĐG, đánh giá ngoài CSGD và 06 CTĐT (Y khoa, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân YTCC, Cử nhân XNYH, Y học dự phòng và Dược học) theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, PVCĐ.

2.4.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Hoạt động	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kiện toàn Hội đồng ĐBCL	x		x		x	

TT	Hoạt động	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
2	Kiện toàn mạng lưới ĐBCL bên trong	x		x		x	
3	Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn công tác ĐBCLGD, KĐCLGD	x		x		x	
4	Tự đánh giá CSGD	x					x
5	Đánh giá ngoài CSGD		x				
6	Cải tiến chất lượng CSGD		x	x	x	x	x
7	TĐG CTĐT Y khoa	x					x
8	ĐGN CTĐT Y khoa		x				
9	Cải tiến chất lượng CTĐT YK		x	x	x	x	x
10	TĐG CTĐT CNDD		x				x
11	ĐGN CTĐT CNDD		x				
12	Cải tiến chất lượng CTĐT CNDD		x	x	x	x	x
13	TĐG CTĐT CNXN			x			
14	ĐGN CTĐT CNXN			x			
15	Cải tiến chất lượng CTĐT CNXN			x	x	x	x
16	TĐG CTĐT YTCC			x			
17	ĐGN CTĐT YTCC			x			
18	Cải tiến chất lượng CTĐT YTCC			x	x	x	x
19	TĐG CTĐT YHDP				x		
20	ĐGN CTĐT YHDP				x		
21	Cải tiến chất lượng CTĐT YHDP				x	x	x
22	TĐG CTĐT Dược học					x	
23	ĐGN CTĐT Dược học					x	
24	Cải tiến chất lượng CTĐT Dược học					x	x
25	Khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV	30% học phần	50% HP	70% HP	80% HP	100% HP	100% HP
26	Khảo sát SV về hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học	10% SV	20% SV	30% SV	40% SV	50% SV	70% SV
27	Khảo sát SV về hoạt động	10%	20%	30%	40%	50%	70%

TT	Hoạt động	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	của TT HLTВ	SV	SV	SV	SV	SV	SV
28	Khảo sát SV sắp tốt nghiệp về khóa học	30% SV sắp TN	50% SV sắp TN	70% SV sắp TN	80% SV sắp TN	90% SV sắp TN	90% SV sắp TN
29	Khảo sát cựu SV về tình hình việc làm	50% cựu SV	75% cựu SV	75% cựu SV	80% cựu SV	80% cựu SV	90% cựu SV
30	Khảo sát CB, GV, NV về chính sách và môi trường làm việc	70% CB, GV, NV	80% CB, GV, NV	90% CB, GV, NV			
31	Khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng người học sau tốt nghiệp	Tối thiểu 15 nhà TD/ ngành	Tối thiểu 20 nhà TD/ ngành	Tối thiểu 25 nhà TD/ ngành	Tối thiểu 30 nhà TD/ ngàn h	Tối thiểu 40 nhà TD/ ngành	Tối thiểu 50 nhà TD/ ngàn h
32	Khảo sát SV về hoạt động NCKH	10% SV	20% SV	30% SV	40% SV	50% SV	75% SV
33	Khảo sát CB, GV, NV về hoạt động NCKH	50% CB, GV, NV	70% CB, GV, NV	80% CB, GV, NV	90% CB, GV, NV		
34	Khảo sát cơ sở y tế về hoạt động NCKH		05 đơn vị	10 đơn vị	15 đơn vị	20 đơn vị	25 đơn vị
35	Khảo sát SV về hoạt động PVCD	10% SV	20% SV	30% SV	40% SV	50% SV	70% SV
36	Khảo sát CB, GV, NV về hoạt động PVCD	50% CB, GV, NV	70% CB, GV, NV	80% CB, GV, NV	90% CB, GV, NV		
37	Khảo sát cộng đồng về hoạt động PVCD		01 địa bàn	02 địa bàn	03 địa bàn	04 địa bàn	05 địa bàn
38	Tuyên truyền về xây dựng văn hóa chất lượng bên trong	100%SV 100% CB, GV, NV					

2.4.3. Giải pháp về Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

2.4.3.1. Giải pháp về công tác khảo thí

- Ban hành các văn bản quản lý hoạt động khảo thí phù hợp với các quy định hiện

hành về đào tạo ĐH và sau ĐH.

- Tổ chức, hướng dẫn các Bộ môn triển khai xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện ngân hàng đề thi. Khuyến khích và có chế độ bồi dưỡng thỏa đáng cho GV biên soạn ngân hàng đề trắc nghiệm khách quan, ứng dụng thi trên máy tính; tổ chức thẩm định theo quy định; tổ chức đánh giá chất lượng câu hỏi thi trắc nghiệm bằng phần mềm IATA nhằm kịp thời loại bỏ, chỉnh sửa những câu hỏi có chất lượng kém.

- Tập huấn về các phương pháp đánh giá hiện đại cho GV, đặc biệt là GV kiêm nhiệm tại các bệnh viện. Chú trọng đánh giá quá trình, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực, đặc biệt quan tâm đến đánh giá các học phần lâm sàng, thực tế tốt nghiệp.

- Ứng dụng phần mềm quản lý công tác khảo thí, kết nối hiệu quả với các Bộ môn, các phòng chức năng có liên quan nhằm giải quyết nhanh và chính xác các vấn đề của người học trong quá trình thực hiện. Quản lý và triển khai có hiệu quả ngân hàng đề thi. Xây dựng cơ sở dữ liệu về người học và kết quả học tập của người học.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, rà soát công tác tổ chức thi và chấm thi. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung, xử lý các vấn đề tồn tại nhằm cải tiến chất lượng.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khảo thí.

2.4.3.2. Giải pháp về công tác đảm bảo chất lượng

- Thành lập và triển khai có hiệu quả mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường.

- Ban hành hệ thống văn bản quy định hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường. Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức của cán bộ và SV về đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm và từng giai đoạn trên cơ sở kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài.

- Tiến hành khảo sát SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về mọi mặt hoạt động của trường. Trên cơ sở đó, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động đảm bảo chất lượng; lập kế hoạch cải tiến chất lượng ở tất cả các mặt còn thiếu sót để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tăng cường đầu tư cho các hoạt động cải tiến chất lượng.

- Xây dựng hệ thống các chỉ số đánh giá kết quả công việc ở tất cả các bộ phận trong Trường; sử dụng các chỉ số về hiệu quả công việc để đánh giá chất lượng cán bộ, viên chức Nhà trường nhằm tạo sự công bằng, minh bạch, khuyến khích cán bộ, viên chức không ngừng nỗ lực, cố gắng.

- Đăng ký và triển khai đánh giá ngoài theo chủ trương, kế hoạch của Bộ GD&ĐT, kế hoạch của Nhà trường.

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách.

- Thường xuyên có các hoạt động tuyên truyền về đảm bảo chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn thể cán bộ, nhân viên, GV, SV của Nhà trường.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển lĩnh vực Đảm bảo CLGD

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia	1.1. Tăng điểm số từng tiêu chuẩn và điểm số trung bình của các lĩnh vực hoạt động	4,0 điểm	4,1 điểm	4,2 điểm	4,3 điểm	4,4 điểm
	1.2. Tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan về CSGD	75%	80%	85%	90%	90%
2. CTĐT đạt chuẩn quốc gia	2.1.Tăng số CTĐT đạt chuẩn quốc gia	1 CTĐT	2 CTĐT	3 CTĐT	5 CTĐT	6 CTĐT
	2.2. Tăng tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT	65%	70%	75%	80%	85%
3. Kiện toàn hệ thống DBCL bên trong	3.1. Kiện toàn lại hội đồng DBCL	Hoàn thành				
	3.2. Kiện toàn hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn về DBCL	Hoàn thành				
	3.3. Kiện toàn mạng lưới DBCL bên trong	Hoàn thành				
4. Phát triển văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường	4.1.Tăng tỷ lệ CB, GV, NV hoàn thành vượt mức nhiệm vụ được giao	60%	65%	70%	75%	80%
	4.2. Tăng tỷ lệ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV	70%	75%	80%	85%	90%
	4.3. Tăng tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động NCKH của Nhà trường	60%	65%	70%	75%	80%

2.5. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

2.5.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực, nâng cao số lượng và chất lượng chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên theo hướng chuẩn hóa, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, năng động, sáng tạo đáp

ứng yêu cầu xây dựng Trường ĐHYK Vinh theo định hướng.

2.5.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy hoạch nguồn nhân lực và chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ.
- Thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo môi trường làm việc tốt cho cán bộ, GV
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả.

2.5.3. Nhóm giải pháp:

- Tăng cường phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là GV, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng, chuyên nghiệp trong công việc. Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý, các ngạch, bậc viên chức.
- Đào tạo nâng cao trình độ hàng năm để phù hợp với qui mô đào tạo
- Chuẩn hóa đội ngũ GV theo qui định của Bộ GDĐT. Ngoài ra nâng cao trình độ tiếng anh cho GV đáp ứng yêu cầu giảng dạy và hội nhập quốc tế
- Thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn; các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Tổ chức các hội thảo, sermina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.
- Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo khoa, phòng đi học tập kinh nghiệm quản lý ở các trường ĐH có cùng chuyên ngành đào tạo.
- Tổ chức cho GV đi thực tế, lâm sàng tại các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh.
- Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao, đặc biệt ở những ngành đặc thù Y, Dược.
- Xây dựng chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với CB, GV đi học nâng cao trình độ.
- Cải thiện môi trường làm việc, có cơ chế, chính sách để cán bộ GV phát huy năng lực, sở trường.
- Tạo các công việc có thu nhập và mang lại cơ hội phát triển cho cán bộ, GV
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả dựa trên chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các đơn vị, cá nhân.
- Định kỳ và hàng năm đánh giá chất lượng và hiệu quả công tác của cán bộ, viên chức trên cơ sở các tiêu chí cụ thể.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Quy hoạch nguồn	1.1. Tăng cường phát triển đội ngũ CB, nhất là GV, đủ	- Đến năm học 2024 - 2025 độ ngũ cán bộ, GV cơ hữu và thỉnh giảng đạt 600 người, trong đó cơ hữu 400, thỉnh giảng 200. Tỷ lệ GV cơ hữu/tổng số cán bộ cơ				

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
nhân lực và chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ	về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng, chuyên nghiệp trong công việc. Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý, các ngạch, bậc viên chức.	hữu hàng năm đạt 80% trở lên.				
		- Tỷ lệ GV SDH/tổn g số GV: 90%. - Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên/tổng số GV đạt 15% - Tỉ lệ GS, PGS đạt 30% trên tổng số TS	- Tỷ lệ GV SDH/tổn g GV:100% - Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên/tổng số GV đạt 18% - Tỉ lệ GS, PGS đạt 30% trên tổng số TS	- Tỷ lệ GV SDH/tổn g:100% - Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên/tổng số GV đạt 20% - Tỉ lệ GV có học hàm GS, PGS đạt 35% trên tổng số TS.	- Tỷ lệ GV có trình độ SDH/tổn g số GV là 100%. - Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên/tổng số GV đạt 25% - Tỉ lệ GV GS, PGS đạt 35% trên tổng số TS.	- Tỷ lệ GV có trình độ SDH/tổn g số GV là 100%. - Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên/tổng số GV đạt 30% - Tỉ lệ GV GS, PGS đạt 40% trên tổng số TS.
	1.2. Đào tạo nâng cao trình độ hàng năm để phù hợp với qui mô đào tạo					
	1.3. Chuẩn hóa đội ngũ GV theo qui định của Bộ GDĐT. Ngoài ra nâng cao trình độ tiếng anh cho GV đáp ứng yêu cầu giảng dạy và hội nhập quốc tế	Đến hết năm học 2024 - 2025 có 100% GV có văn bằng 2 tiếng anh, tiếng anh bậc B3 trở lên.				
	1.4. Thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn; các hội nghị, hội thảo trong	Mỗi cán bộ, GV được tham gia tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ ít nhất 01 năm/01 lần				

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
	<p>nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hội thảo, sermina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm. 					
	1.5. Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo khoa, phòng đi học tập kinh nghiệm quản lý ở các trường ĐH có cùng chuyên ngành đào tạo.					
	1.6. Tổ chức cho GV đi thực tế, lâm sàng tại các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh					
2. Thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao	<p>2.1. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đặc biệt ngành Y, Dược</p> <p>2.2. Xây dựng chế độ hỗ trợ, khuyến khích CB, GV đi học nâng cao trình độ</p>					
3. Nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo môi trường làm việc tốt cho CBGV	<p>3.1. Cải thiện môi trường làm việc, có cơ chế, chính sách để cán bộ GV phát huy năng lực, sở trường</p> <p>3.2. Tạo các công việc có thu nhập và mang lại cơ hội phát triển cho cán bộ, GV</p>					
		Rà soát chính sách thu hút hàng năm để phù hợp sự phát triển và tình hình thực tế				
		Duy trì và nâng mức hỗ trợ hàng năm đối với cán bộ, GV đi học nâng cao trình độ (chế độ phúc lợi, thu nhập tăng thêm, sinh hoạt phí...)				
		Hàng năm tiến hành rà soát Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện điều chỉnh các chế độ: phúc lợi, thu nhập tăng thêm, khen thưởng...theo hướng năm sau cao hơn năm trước, nhằm động viên, khuyến khích cán bộ, GV tích cực công hiến.				
		- Mở thêm một số mã ngành đào tạo ĐH, sau ĐH, đào tạo liên tục theo thế mạnh của Trường.				
		- Tăng quy mô giường bệnh của Bệnh viện, cải tiến phong cách, thái độ phục vụ người bệnh để thu hút bệnh nhân đến khám chữa bệnh.				

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
4. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả dựa trên chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các đơn vị, cá nhân.	- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm huấn luyện mô phỏng lâm sàng để giảng dạy và huấn luyện các kỹ năng y khoa cơ bản cho SV y khoa từ năm 2 đến năm 6 theo chuẩn năng lực, đưa vào hoạt động từ năm học 2021 - 2022 - Rà soát cơ cấu tổ chức, sáp nhập một số phòng, ban, bộ phận có chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo.				

2.6. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nghiên cứu khoa học

2.6.1. Mục tiêu chung

Tăng cường năng lực và uy tín NCKH để tạo ra nhiều sản phẩm NCKH có chất lượng và có tính ứng dụng cao trong chăm sóc sức khỏe nhân dân và giảng dạy.

Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin khoa học với các cơ sở y tế, khoa học công nghệ trong và ngoài tỉnh, nắm bắt nhu cầu, nhiệm vụ NCKH, phát triển chăm sóc sức khỏe nhân dân và đào tạo nguồn nhân lực y tế cho các tỉnh. Triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu y học vào thực tiễn khám chữa bệnh và giảng dạy.

2.6.2. Mục tiêu cụ thể

Lĩnh vực này có những mục tiêu cụ thể sau đây:

- Tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học:
 - + Xuất bản khoa học có phản biện trong nước, quốc tế đạt 0,5 bài/GV.
 - + Số lượng công bố đăng trên các tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI và SCOPUS đạt mức 01 công bố /năm.
 - + Số lượng cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế bình quân 2 người/năm bằng kinh phí nhà trường.
 - + Số lượng cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo trong nước bình quân 10 người/năm bằng kinh phí Nhà trường.
 - + Số lượng cán bộ GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở tối thiểu 1 đề tài/năm.
 - + Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cho SV: 5 đề tài/năm
 - + Số lượng đề tài có hợp tác với các đối tác như: bệnh viện, trung tâm, doanh nghiệp...10 đề tài/năm.
 - + Số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh được công nhận hàng năm là 2 sáng kiến.
 - + Số công trình được công nhận sáng tạo khoa học công nghệ là 2 công trình/định kỳ xét thưởng (3 năm).

- + Số sách giáo trình được nghiệm thu hàng năm là 06 quyển.
- + Số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh 2 công trình/năm.
- + Số giải thưởng sáng tạo Khoa học công nghệ cấp tỉnh 2 công trình/lần.
- + Mỗi năm ký kết và triển khai 01 chương trình hợp tác với các cơ sở uy tín trong nước, hoặc 1 đề tài có hợp tác quốc tế.
- Nâng cấp Nội san KHCN Trường ĐHYK Vinh thành Tạp chí Khoa học công nghệ Trường ĐHYK Vinh, phát triển đạt điểm của hội đồng chức danh giáo sư nhà nước 0.25 vào năm 2025.
- Xây dựng và phát triển hội đồng y đức Trường ĐHYK Vinh.
- Tăng số lượng công trình NCKH được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)/giải pháp hữu ích.
- Tăng nguồn thu từ các dự án, đề tài hợp tác quốc tế và trong nước từ 5-10%/năm.
- Tăng nguồn thu từ các lớp đào tạo về phương pháp NCKH, viết bài báo.
- Thành lập Trung tâm nghiên cứu, bào chế dược phẩm, thực phẩm chức năng Trường ĐHYK Vinh.

2.6.3. Giải pháp nghiên cứu khoa học

Tổ chức :

Hoàn thiện bộ máy và nâng cao năng lực của Phòng QLKH&HTQT, củng cố hoạt động của Phòng để có thể tham gia hiệu quả vào việc tìm kiếm các cơ hội đấu thầu, xây dựng hồ sơ đấu thầu, trợ giúp quá trình đấu thầu các đề tài ..

- Xây dựng Trung tâm xử lý và phân tích dữ liệu sức khỏe tiến tới có pháp nhân chính thức và mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ nghiên cứu khoa học của Nhà trường vào năm 2025.

- Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút giáo viên cơ hữu và thỉnh giảng tham gia nghiên cứu; ưu tiên tuyển chọn, giao nhiệm vụ NCKH cho các nhóm nghiên cứu đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực, kinh nghiệm, có định hướng khoa học đúng và phù hợp với xu hướng quốc tế và phục vụ thiết thực cho sự phát triển y học của tỉnh Nghệ An.

Đào tạo, phát triển hợp tác

- Mời chuyên gia (quốc tế, trong nước) về trường tập huấn cho cán bộ, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về phương pháp, kỹ thuật NCKH, phân tích số liệu nâng cao, số liệu lớn, để nâng cao năng lực của cán bộ Nhà trường.

- Xây dựng và triển khai các gói đào tạo về phương pháp NCKH, viết bài báo khoa học quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, xuất bản quốc tế của cán bộ Trường và cung cấp dịch vụ.

- Triển khai chương trình, kế hoạch khảo sát năng lực NCKH của các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh; tìm kiếm đề tài đáp ứng việc phát triển chuyển giao ứng dụng kỹ thuật cao, bào chế dược phẩm. Xây dựng mô hình liên kết NCKH phục vụ giảng dạy và thực hành lâm sàng, tăng cường trao đổi nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước thông qua các hội nghị hội thảo, trao đổi nhân lực và tiến hành các dự án nghiên cứu phối hợp.

Tăng cường hợp tác trong NCKH để Trường ĐHYK Vinh sẽ trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao có cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ GV hùng hậu và tài năng, có đội ngũ cán bộ quản lý tận tâm và chuyên nghiệp và SV có kiến thức vững vàng, sáng tạo, có tư duy, nhân ái, kỹ năng ứng dụng đáp ứng sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân trong nước và hợp tác quốc tế về chăm sóc sức khỏe.

Thi đua - Khen thưởng:

- Xây dựng và áp dụng chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân đưa các đề tài, dự án NCKH quốc tế về Trường.

- Khuyến khích, khen thưởng cán bộ xuất bản tại tạp chí có tác động (IF) cao, có chỉ số trích dẫn cao, có nhiều xuất bản quốc tế.

- Khuyến khích và ưu tiên các nghiên cứu, bài báo có sự tham gia của nhiều đơn vị trong Trường (đặc biệt có sự phối hợp Phòng khám đa khoa, Trung tâm xét nghiệm và các Khoa/bộ môn).

- Khuyến khích và ưu tiên nghiên cứu, bài báo, hoạt động khoa học có sự tham gia của nghiên cứu viên ngoài Trường

Tài chính

- Xác định NCKH là mảng hoạt động tăng cường giá trị thương hiệu (chi đầu tư và khó đo lường hiệu quả tài chính ngắn hạn). Cần tăng cường đầu tư cho các hoạt động về xuất bản quốc tế, hoạt động hợp tác NCKH, hợp tác trong và ngoài nước, thực hiện đề tài NCKH cơ sở, SV, phát triển tạp chí khoa học và công nghệ Trường ĐHYK Vinh, sở hữu trí tuệ.

- Cập nhật định mức chi cho các hoạt động chi cho NCKH từ ngân sách Nhà trường phù hợp với bối cảnh xã hội.

- Tập trung nguồn lực cho các đề tài lớn, nhóm nghiên cứu mạnh, trong đó chú ý đúng mức những đề tài có ứng dụng thiết thực cho hoạt động giảng dạy và thực tập lâm sàng. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học y dược học.

- Đầu tư cho việc trao đổi GV và SV với các đối tác thông qua thực hiện các nghiên cứu quốc tế, qua đó nâng cao năng lực chuyên môn nghiên cứu, kỹ năng, ngoại ngữ, giao lưu văn hóa kỹ thuật, từng bước hội nhập và tiếp cận công nghệ y dược học tiên tiến của thế giới.

Quy trình nội bộ

- Phòng QLKHCN cập nhật và hoàn thiện quy trình quản lý các hoạt động khoa học công nghệ: đề tài NCKH, xét sáng kiến kinh nghiệm, sáng tạo khoa học công nghệ,.. có áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý, trong đó chú trọng một số tiêu chí sau:

- + Xây dựng tiêu chí bắt buộc xuất bản tạp chí trong nước được tính điểm thuộc danh mục Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước cho mỗi GV, có quy chế khuyến khích xuất bản quốc tế, cách thức quy đổi bài báo quốc tế thành giờ giảng.

- + Xây dựng và áp dụng quy trình đăng ký SHTT, giải pháp hữu ích

- + Xây dựng và áp dụng cơ chế hậu kiểm để chuyển bài báo (quốc tế, trong nước) thành sáng kiến kinh nghiệm.

- + Áp dụng các biện pháp tăng cường chất lượng đề tài NCKH với các quy trình thông qua ý tưởng, cử chuyên gia hỗ trợ, áp dụng bảng kiểm chuẩn trong xét duyệt và đánh giá đề tài.

- + Ưu tiên cấp kinh phí cho các đề tài có sản phẩm đào tạo là nghiên cứu sinh của nhà trường.

- Phòng QLKH&HTQT làm đầu mối để xây dựng và áp dụng nguyên tắc và chuẩn mực nghiên cứu quốc tế về PPNCKH cho các đề tài của Trường.

- Các đơn vị khác như Tổ chức tổng hợp, Kế toán tài chính, Khoa chuyên môn, Bệnh viện phối hợp chặt chẽ với Phòng QLKH&HTQT trong việc xây dựng các quy định, quy trình nêu trên.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nghiên cứu khoa học

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC					
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tăng loại hình, số lượng, chất lượng các hoạt động, sản phẩm nghiên cứu khoa học:	1.1. Tăng số xuất bản khoa học có phản biện trong nước	40	50	55	60	65	70
	1.2. Tăng số lượng công bố đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	3	3	4	4	5	5
	1.3. Tăng số lượt cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế	2	2	3	3	4	4

	1.4. Số lượt cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo trong nước.	25	30	30	35	35	40
	1.5. Tỷ lệ CBGV tham gia thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở	50%	50%	55%	55%	60%	60%
	1.6. Tăng số lượng đề tài SV NCKH	5	5	6	6	7	7
2. Phát triển hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác	2.1. Tăng số lượng đề tài có hợp tác với các đối tác: bệnh viện, trung tâm y tế, doanh nghiệp	6	7	8	8	9	
	2.2. Tăng đề tài hợp tác quốc tế	0	1	1	1	2	2
3. Tăng số sáng chế khoa học công nghệ	3.1. Tăng số công trình được giải sáng tạo khoa học công nghệ	3	-	-	3	-	
	3.2. Tăng số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh	3	3	4	4	5	5
4. Tăng số giáo trình phục vụ đào tạo	Tăng Số sách giáo trình được nghiệm thu hàng năm	5	6	6	7	7	8
5. Tăng nguồn thu NCKH	5.1. Tăng số lượng đề tài cấp tỉnh	5%	5%	8%	8%	10%	10%
	5.2. Tăng số lượng lớp phương pháp NCKH, viết bài báo	1	1	2	2	3	3

2.6.4. *Tầm nhìn 2030*

Chỉ tiêu phát triển NCKH giai đoạn 2019-2025 và tầm nhìn 2030

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2030
1	Bài báo có phản biện công bố trong nước	1 bài/GV
3	Bài báo công bố quốc tế có chỉ số ISI, SCOPUS	3 bài/năm
4	Tham gia hội nghị hội thảo quốc tế	10 lượt/năm
5	Tham gia hội nghị hội thảo trong nước	1 lượt/GV
6	Đề tài NCKH cấp nhà nước	02
7	Đề tài cấp tỉnh, bô	03
8	Đề tài cấp cơ sở	145

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2030
1	Bài báo có phản biện công bố trong nước	1 bài/GV
3	Bài báo công bố quốc tế có chỉ số ISI, SCOPUS	3 bài/năm
4	Tham gia hội nghị hội thảo quốc tế	10 lượt/năm
5	Tham gia hội nghị hội thảo trong nước	1 lượt/GV
9	Công trình sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh	5
10	Công trình sáng tạo khoa học công nghệ	5

2.7. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Hợp tác trong nước và quốc tế

2.7.1. Mục tiêu chung

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút các nguồn đầu tư, hỗ trợ tài chính, CSVC phục vụ cho hoạt động NCKH, đào tạo, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; xây dựng các CTĐT liên kết ĐH, sau ĐH với các trường tiên tiến trong nước và nước ngoài.

2.7.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế;
- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, ngang tầm khu vực;
- Củng cố, mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực;

2.7.3. Các nhóm giải pháp

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược về hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường ĐHYKV với các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo trong khu vực và trên thế giới, trong đó, ưu tiên mở rộng hợp tác với các nước có nền giáo dục tiên tiến, hiện đại. Trong thời gian tới, Nhà trường cần mở rộng các hình thức liên kết đào tạo cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài (liên kết đào tạo tại chỗ; liên kết đào tạo song phương...).

- Về đào tạo GV, cần đào tạo sâu về chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp tục thực hiện CTĐT liên kết và áp dụng các chính sách hỗ trợ cán bộ đi đào tạo, công bố kết quả NCKH, tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế. Tăng cường đội ngũ cán bộ giảng dạy bằng tiếng Anh, kết hợp với sự hỗ trợ của chuyên gia quốc tế, bảo đảm chất lượng và quy mô đào tạo.

- Trong công tác đào tạo SV, tiếp tục duy trì trao đổi SV tham gia các khóa học ngắn và dài hạn tại các trường mà trường ĐHYK Vinh có mối quan hệ truyền thống.

Trong tương lai, có thể nghiên cứu, báo cáo Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT và UBND tỉnh cho phép đào tạo học viên hệ Cử nhân và Sau ĐH cho các đối tác, bên cạnh đối tác truyền thống là Lào, cần mở rộng thêm đối tác Thái Lan và một số nước trong khu vực và thế giới. Nội dung, CTDT và số tín chỉ tương ứng do các bên chủ động bàn bạc, đề xuất, phù hợp với yêu cầu, thế mạnh và lợi ích của mỗi bên.

- Tham mưu, đề xuất lãnh đạo UBND Tỉnh để đệ trình lãnh đạo Bộ GD&ĐT cho phép trường ĐHYK Vinh mở rộng phạm vi hợp tác. Trong thời gian tới, bên cạnh phát triển của mối quan hệ truyền thống tốt đẹp Việt Nam - Lào, Việt Nam - Phần Lan, Việt Nam - Thái Lan.. trên các lĩnh vực. Nhà trường cần tiếp tục tìm kiếm các đối tác, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nhằm phát triển các chương trình giáo dục, đào tạo, đặc biệt là các chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ theo các chuyên ngành Bác sỹ đa khoa với Hàn Quốc, hoặc chương trình 5+1, 6+1 học tiếp một năm đến hai năm ở Hàn quốc để lấy bằng bác sỹ Hàn Quốc; thực hiện chương trình liên kết đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ điều dưỡng tại Thái Lan, mở rộng có quy mô hơn nữa việc tuyển sinh thực tập sinh hoặc làm việc lâu dài cho các điều dưỡng viên tốt nghiệp tại các nhà chăm sóc dưỡng lão ở Thái, Nhật, Phần Lan, CHLB Đức mở ra cơ hội việc làm cho SV các ngành, tiếp tục thực hiện các thỏa thuận đào tạo nhân lực y tế cho CHDCND Lào.

Tiếp tục từng bước hoàn thiện các khâu quản lý công tác NCKH của Nhà trường theo hướng có sản phẩm đầu ra rõ ràng (các ấn phẩm, sách, báo, tạp chí quốc tế theo hình thức phối hợp), kết hợp NCKH với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ đi đôi với thực hiện nhiệm vụ chung của Nhà trường.

Trong quá trình tham gia các diễn đàn hợp tác với các tổ chức quốc tế, cần nâng cao vị thế của Nhà trường qua việc đóng góp các bài viết, ý kiến, chương trình, đề án, bảo đảm chất lượng các bài viết đăng trong các tạp chí chuyên ngành hoặc báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế. Muốn làm được điều này, cần thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được nhiệm vụ được giao, đặc biệt là chương trình bồi dưỡng cán bộ chuyên sâu, cán bộ đầu ngành của Nhà trường; xây dựng cơ sở học liệu điện tử các thông tin về hoạt động của Nhà trường, nhất là các thông tin về đào tạo, NCKH.

Quản lý tốt công tác hợp tác quốc tế và công tác bảo vệ nội bộ tại trường ĐHYK Vinh. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, trường ĐHYK Vinh cần tiếp tục phát huy tính chủ động, tham mưu kịp thời cho lãnh đạo UBND Tỉnh các chủ trương, biện pháp nhằm thúc đẩy các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế phù hợp với tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn.

Nghiên cứu, đề xuất lãnh đạo UBND Tỉnh quan tâm, đầu tư xây dựng các Trung tâm đào tạo quốc tế, các viện nghiên cứu tại tại Nhà trường và bệnh viện Trường ĐHYK

Vinh, trước mắt là triển khai xây dựng trung tâm ứng dụng tế bào gốc, trung tâm chuyển giao công nghệ y dược, viện nghiên cứu và phát triển y tế Bắc Trung Bộ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Trường ĐHYK Vinh. Cùng với sự phát triển của đất nước trong xu thế hội nhập quốc tế, nhu cầu tiếp cận các CTĐT quốc tế ngày càng tăng. Hiện nay, Trường ĐHYK Vinh có quan hệ hợp tác với nhiều trường ĐH lớn trong nước và trên thế giới, số lượng học viên, SV được trao đổi ngày càng tăng. Do đó, việc nghiên cứu xây dựng trung tâm đào tạo quốc tế và chuyển giao công nghệ tại Trường là vấn đề cần thiết. Từ trước tới nay, các chương trình liên kết, trao đổi cán bộ, học viên mới chỉ diễn ra theo sự thỏa thuận giữa Nhà trường và các đối tác, do vậy có hạn chế nhất định về số lượng CB, người học và nội dung chương trình chưa được xây dựng một cách thống nhất cho các đối tượng học. Điều này gây không ít khó khăn cho công tác tuyển sinh, tổ chức quản lý, cung cấp cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập. Do đó, trong thời gian tới, cần nghiên cứu xây dựng chương trình, bồi dưỡng GV giỏi về nghiệp vụ, ngoại ngữ, vừa lựa chọn, xác định chuyên ngành đào tạo, vừa tìm kiếm, liên kết đào tạo với các trường ĐH đối tác, trên cơ sở đó có thể đề xuất lãnh đạo uỷ ban về việc thành lập Trung tâm đào tạo quốc tế hoặc viện nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ y tế tại Trường.

- Xây dựng và triển khai các lớp tập huấn thường xuyên về công tác hợp tác quốc tế. Có quy định và chế độ cụ thể cho cán bộ và nhân viên hợp tác quốc tế học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ (nhất là các kỹ năng mềm).

- Tin học hóa hoàn toàn công tác lưu trữ, xử lý và quản lý thông tin, dữ liệu về các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

- Xây dựng và thể chế hóa một chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ của trường, có quy định cụ thể về trình độ ngoại ngữ cho các GV, cán bộ ở từng chức vụ, chức danh khác nhau.

- Xây dựng và thể chế hóa các quy định về phân công trách nhiệm và quy chế phối hợp trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế ở các đơn vị trong trường;

- Nâng cao năng lực hợp tác và quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của các khoa, bộ môn trong Trường.

- Phân định cụ thể các loại hình liên kết đào tạo (dài hạn và ngắn hạn); từ đó phân công cho bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý, theo dõi cụ thể;

- Nâng cao chuẩn đầu ra ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh) để giúp SV có thêm cơ hội cạnh tranh trong các chương trình học bổng, trao đổi SV của các trường, viện đối tác quốc tế;

- Củng cố và mở rộng các chương trình trao đổi SV, học bổng du học và giao lưu quốc tế cho SV qua việc phát triển các thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế;

- Tranh thủ các nguồn hỗ trợ tài chính từ các đối tác, cơ quan ngoại giao, các tổ chức nhằm giúp SV có thêm cơ hội tài chính để tham gia các chương trình.

- Tiếp tục phát triển các chương trình trao đổi GV ngắn hạn và dài hạn qua việc tìm kiếm thông tin và đặt quan hệ, đàm phán với các viện, trường, cơ quan và lãnh sự quán, đại sứ quán;

- Hoàn thiện quy trình, quy chế tiếp nhận, hỗ trợ và giám sát nghiên cứu sinh học tập nước ngoài;

- Tranh thủ các mối quan hệ hợp tác quốc tế để hỗ trợ phát triển nhanh các lĩnh vực của Trường như: xây dựng đội ngũ, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động đào tạo ĐH, sau ĐH.

- Thực hiện tốt các chương trình hợp tác quốc tế đã có với các đối tác đã có ký kết thỏa thuận hoặc cam kết.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, năng động và giỏi ngoại ngữ để tìm kiếm và xây dựng các chương trình, dự án mới.

- Tận dụng nguồn GV, học viên và nghiên cứu sinh quốc tế để phát triển mối quan hệ với các đối tác trong xây dựng dự án, chương trình nghiên cứu quốc tế.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển hợp tác trong nước và quốc tế

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Xây dựng môi trường, cơ chế, thủ tục và chính sách phù hợp để phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài trên nguyên tắc các bên cùng có lợi, thu hút các nguồn lực	1.1. Xây dựng hệ thống các văn bản lập của nhà trường quy dựa trên các thông tư, nghị định của nhà nước để tiện cho việc quản lý hợp tác với các đối tác	Rà soát, cải tiến và bổ sung vào các quy chế, văn bản để phù hợp		Rà soát, cải tiến và bổ sung, có thể xây dựng thêm mới vào các quy chế, văn bản để phù hợp		
	1.2. Hoàn thiện các quy trình quản lý	Dựa vào sử dụng các quy trình làm việc		Rà soát, cải tiến và bổ sung quy trình làm việc		

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
để phát triển Trường ĐHYK Vinh	việc hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước	việc				
	1.3. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực để phát triển Nhà trường		- Rà soát, cải tiến, bổ sung và xây dựng mới thêm các chính sách để thu hút thêm nhân lực			
2. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động KTQT, thu hút các nguồn đầu tư, hỗ trợ tài chính, CSVC phục vụ cho hoạt động NCKH, đào tạo, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; xây dựng các CTĐT liên kết ĐH, sau ĐH với các trường	2.1. Xây dựng kế hoạch, chiến lược về hợp tác quốc tế trong đào tạo, NCKH của Trường với các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo trong khu vực, trên thế giới, ưu tiên mở rộng hợp tác với các nước có nền giáo dục tiên tiến, hiện đại. Mở rộng các hình thức		- Rà soát hiệu quả hoạt động và triển khai thêm hạng mục khác trong hợp đồng thoả thuận làm việc song phương với các đối tác đã ký kết MoU: Lào, Phần Lan, Nhật Bản	- Lên kế hoạch mở rộng thêm quan hệ với các nước trong khu vực như Thái Lan trong liên kết đào tạo Thạc sỹ điều dưỡng, y tế công cộng, thực tập sinh và liên kết với trường Cao đẳng y tế và ĐH y Hà Quốc thực hiện chương trình liên kết đào tạo cho	- Ký kết hợp tác với Thái Lan, Hàn Quốc	- Triển khai các hạng mục trong hợp đồng ký kết liên kết đào tạo

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
tiên tiến trong nước và nước ngoài.	liên kết đào tạo cấp bằng, chứng chỉ của nước ngoài (liên kết đào tạo tại chỗ; liên kết đào tạo song phương...)			SV y đa khoa năm cuối 5+2 hoặc 6+1		
2.2. Đào tạo GV: sâu về chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện CTĐT liên kết, áp dụng các chính sách hỗ trợ CB đi đào tạo, công bố NCKH, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế.	06 GV được cử đi trao đổi học tập nước ngoài	07 GV được cử đi trao đổi học tập nước ngoài và có 01 GV nước ngoài làm việc tại trường ngắn hạn hoặc theo học kỳ năm học	08 GV được cử đi trao đổi học tập nước ngoài và có 01 GV nước ngoài làm việc tại trường ngắn hạn hoặc theo học kỳ năm học	09 GV được cử đi trao đổi học tập nước ngoài và có 02 GV nước ngoài làm việc tại trường ngắn hạn hoặc theo học kỳ năm học	10 GV được cử đi trao đổi học tập nước ngoài và có 03 GV nước ngoài làm việc tại trường ngắn hạn hoặc theo học kỳ năm học	
Tăng cường đội ngũ CB giảng bằng tiếng Anh, kết hợp chuyên gia quốc tế						
2.3. Trong	06 SV	06 SV	06 SV	06 SV	06 SV	khoá học ngắn hạn 3 tháng

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
	công tác đào tạo SV, tiếp tục duy trì trao đổi SV tham gia các khóa học ngắn và dài hạn tại các trường mà trường ĐHYKV có mối quan hệ truyền thống, mở rộng và phát triển chương trình internship cho SV	khoá học ngắn hạn 3 tháng Có 20 SV tham gia internship tại Nhật Bản	khoá học ngắn hạn 3 tháng Có 20 SV tham gia internship tại Nhật Bản, CHLB Đức	và có SV học tập cả năm học Có 20 SV tham gia internship tại Nhật Bản, CHLB Đức		
	2.4. Tìm kiếm và ký kết các chương trình liên kết đào tạo với các Trường, tổ chức trong nước và quốc tế và SV quốc tế về Trường. Số lượng SV liên kết không ngừng tăng lên	25 SV	30 SV	35 SV	40 SV	45 SV
	2.5. Các	1 đề tài	2 đề tài NCKH, 1 Hội	3 đề tài NCKH, 2 Hội		

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
	hội nghị, hội thảo, tập huấn, hợp tác NCKH với các đối tác quốc tế được tổ chức tại Trường ĐHYKV	NCKH, 1 Hội nghị/hội thảo quốc tế được đồng tổ chức	nghị/hội thảo quốc tế được đồng tổ chức	nghị/hội thảo quốc tế được đồng tổ chức/tổ chức		
	2.6. Xây dựng chương trình đào tạo quốc tế giảng dạy bằng ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế, có thể liên thông được với các trường trong khu vực nhằm cung cấp SV theo nhu cầu có thể làm việc trong môi trường quốc tế		2 ngành	3 ngành	4 ngành	
3. Đầu tư xây dựng các Trung tâm đào tạo quốc tế, các viện nghiên	3.1. Mời các chuyên gia trong ngành tham gia vào quá trình vận	7 chuyên gia (trong đó có 2 chuyên gia quốc tế)	8 chuyên gia (trong đó có 2 chuyên gia quốc tế)		10 chuyên gia (trong đó có 2 chuyên gia quốc tế)	

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
cứu tại tại nhà trường và bệnh viện Trường DHYK Vinh	hành các trung tâm					
	3.2. Ký hợp đồng với các cơ sở y tế, doanh nghiệp có nhu cầu được chuyển giao công nghệ y dược	28 hợp đồng	30 hợp đồng	32 hợp đồng	35 hợp đồng	38 hợp đồng
	3.3. Vận động các cá nhân, tổ chức tài trợ các hoạt động của Trường, tài trợ học bổng cho SV giỏi, SV hoàn cảnh khó khăn	320 triệu	350 triệu	400 triệu	420 triệu	500 triệu

2.7.4. *Tầm nhìn 2030*

- Nâng số lượng các chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế, nâng số lượng các đối tác quốc tế so với hiện nay.
- Nâng số lượng chương trình liên kết đào tạo từ 01 chương trình hiện nay lên 06 chương trình vào 2025 (mỗi năm tăng 1 chương trình, không kể các chương trình hợp tác đào tạo và chương trình ngắn hạn).
- Nâng số chương trình trao đổi SV và giao lưu văn hoá từ 2 chương trình lên 4 chương trình.
- Nâng số chương trình học bổng cho GV từ 2 chương trình như hiện nay lên 4 chương trình vào năm 2020.

2.8. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Giáo dục chính trị - tư tưởng, công tác SV và xây dựng văn hóa ĐH

2.8.1. Mục tiêu chung

- Nâng cao bản lĩnh chính trị-tư tưởng, góp phần tạo sự thống nhất, đồng thuận, phát huy tính chủ động sáng tạo của mọi thành viên để xây dựng và phát triển Nhà trường.

- Tăng cường tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác SV; xây dựng hình mẫu SV trường ĐHYK Vinh với các tiêu chí: có lòng yêu nước, ý thức công dân, bản lĩnh chính trị vững vàng; có hiểu biết và kỹ năng hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, văn hóa và tác phong hiện đại; có tinh thần tình nguyện, trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội.

- Tạo dựng môi trường văn hoá ĐH tự do học thuật, tự chủ, sáng tạo, nhân văn.

2.8.2. Công tác chính trị - tư tưởng

2.8.2.1. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, giá trị đạo đức và bồi dưỡng niềm tin, năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, viên chức, GV, SV.

- Thực hiện sâu rộng triết lý giáo dục của Trường

- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự kỷ cương, an toàn xã hội.

2.8.2.2. Nhóm giải pháp

- Tổ chức quán triệt, học tập, phổ biến sâu rộng các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết hợp với việc cập nhật kịp thời những vấn đề thời sự chính trị - xã hội quan trọng trong nước và quốc tế.

- Chăm lo các hoạt động văn hoá, văn nghệ nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của cán bộ, viên chức, GV, SV, qua đó giáo dục đạo đức, lối sống, phát huy truyền thống cách mạng, gắn với việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc

- Có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ làm công tác tư tưởng - lý luận.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho học sinh, SV trên môi trường mạng

- Nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ viên chức làm công tác tư tưởng

- Truyền đạt đến SV những tư tưởng cốt lõi tạo nên thương hiệu và sự phát triển bền vững của Nhà trường nhằm định hướng cho sự nhận thức và hành động của SV

- Thông qua Triết lý giáo dục thực hiện các hoạt động giáo dục SV

- Tập trung xử lý các kiến nghị, khiếu nại, nhất là những vấn đề liên quan đến

tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mâu dân chủ, thiếu kỷ cương trong Trường.

- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an ninh trật tự (an toàn giao thông, phòng chống ma túy, môi trường,...) nâng cao cảnh giác cho CBVC, GV, SV của Nhà trường tham gia đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn và hành động “diễn biến hoà bình” gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia, củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

- Phối hợp công an địa phương bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển lĩnh vực chính trị tư tưởng

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2024- 2025
1. Nâng cao bản lĩnh chính trị, giá trị đạo đức và bồi dưỡng niềm tin, năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, viên chức, GV, SV;	1.1. Tổ chức quán triệt, học tập, phổ biến sâu rộng các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết hợp với việc cập nhật kịp thời những vấn đề thời sự chính trị - xã hội quan trọng trong nước và quốc tế.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho CBVC, SV học tập nghị quyết Đảng hàng năm - Hàng năm, tổ chức 01- 02 đợt giáo dục chính trị tư tưởng cho SV - Ít nhất 01 lần mời cán bộ tuyên giáo về giảng 				
	1.2. Chăm lo các hoạt động văn hoá, văn nghệ nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của cán bộ, viên chức, GV, SV, qua đó giáo dục đạo đức, lối sống, phát huy truyền thống cách mạng, gắn với việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc;	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi năm tổ chức 03 hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT cho CBVC và SV - 100% CBVC, SV tham gia cổ vũ 				
	1.3. Có KH bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với CB làm công tác tư tưởng - lý luận.	Hàng năm ít nhất cử ít nhất 05 cán bộ quản lý phòng ban, BCH Đảng ủy, ... đi học nâng cao trình độ LLCT				
	1.4. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho SV trên môi trường mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kế hoạch triển khai giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho học sinh, SV trên môi trường mạng trong 				
	1.5. Nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ viên chức làm công tác tư tưởng	Hàng năm cử cán bộ BCH Đảng ủy, cán bộ chủ chốt... đi học nâng cao trình độ LLCT				
2. Thực hiện sâu rộng triết lý giáo	2.1. Truyền đạt đến SV những tư tưởng cốt lõi tạo	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CBVC, SV nắm rõ triết lý giáo dục của Nhà trường 				

	nêu thương hiệu và sự phát triển bền vững của Nhà trường nhằm định hướng cho sự nhận thức và hành động của SV	<ul style="list-style-type: none"> - 100 % SV phát huy giá trị bản thân (tâm lực, trí lực, thể lực) luôn phát huy cái tốt đẹp và ngăn ngừa, sửa chữa những sai sót - SV có lòng yêu nước, ý thức công dân, bản lĩnh chính trị vững vàng; hiểu biết, có kỹ năng hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, văn hóa, tác phong hiện đại; tinh thần tinh nguyện, trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội.
	2.2. Thông qua Triết lý giáo dục thực hiện các hoạt động giáo dục SV	<ul style="list-style-type: none"> - CBVC, SV có ý thức đóng góp trí tuệ, sức lực, trách nhiệm bản thân, công hiến cho sự phát triển của Nhà trường
	3.1. Tập trung xử lý các kiến nghị, khiếu nại, nhất là những vấn đề liên quan đến tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mâu thuẫn chủ thiêu kỷ cương trong Trường.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các kiến nghị, khiếu nai được quan tâm giải quyết
3. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự kỷ cương, an toàn xã hội.	3.2. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an ninh trật tự (an toàn giao thông, phòng chống ma túy, môi trường,...) nâng cao cảnh giác cho CB, GV, SV của Nhà trường tham gia đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn, hành động “diễn biến hòa bình” gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia, củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.	<ul style="list-style-type: none"> -Tuyên truyền giáo dục pháp luật về an ninh trật tự cho CBVC và SV trong các các chương trình học tập, ngoại khóa, VH-VN-TDTT thường xuyên - 100% CBVC&SV không bị lôi kéo và các hoạt động xâm phạm an ninh trật tự
	3.3. Phối hợp công an địa phương bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CBVC không để mất mát lộ lọt tài liệu, thông tin bí mật của Nhà nước trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

2.8.2.3. *Tầm nhìn 2030*

- Quy hoạch đội ngũ, bảo đảm có các loại hình, các thế hệ cán bộ tuyên giáo nối tiếp nhau; có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ làm công tác tư tưởng - lý luận.

- Lựa chọn các SV có nhận thức chính trị tốt, tích cực, học lực khá trở lên tham gia vào công tác tư tưởng lý luận trong SV.

2.8.3. *Công tác SV*

2.8.3.1. *Mục tiêu chung:*

- Tạo môi trường chính trị, xã hội tốt để SV trưởng học tập, rèn luyện.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, góp phần tạo sự thống nhất, đồng thuận, phát huy tính chủ động sáng tạo của mọi thành viên để xây dựng và phát triển Nhà trường.

- Hoàn thiện bộ máy quản lý, có đội ngũ làm công tác SV của tất cả các đơn vị trong trường chuyên nghiệp về kỹ năng, chuẩn hóa về quy trình, đa dạng về phương pháp, phong phú về nội dung.

- Thiết lập và khai thác các mối quan hệ với doanh nghiệp để tạo thêm nguồn lực cho các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là công tác hỗ trợ SV; duy trì mối liên hệ thường xuyên và tranh thủ sự ủng hộ của cựu SV trong các hoạt động của nhà trường.

- Phát triển tư tưởng khởi nghiệp trong SV

- Tạo dựng môi trường văn hóa ĐH tự do học thuật, tự chủ, sáng tạo.

2.8.3.2. Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển công tác sinh viên

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2024- 2025
1. Triển khai đồng bộ và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ CTSV theo các qui chế, quy định hiện hành; Đảm bảo tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với SV.	1.1. Xây dựng kế hoạch định kỳ hàng năm về CTSV;	- Có kế hoạch hoạt động hàng năm về CTSV				
	1.2. Thực hiện nghiêm túc đánh giá việc thực hiện CTSV ở các đơn vị và toàn trường.	- Các đơn vị có báo cáo đánh giá CTSV hàng tháng gửi phòng TCTH (lần/tháng) - Nhà trường có tổ chức tổng kết đánh giá CTSV, 01 lần/năm học				
	1.3. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với SV	- Đảm bảo chế độ học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập hàng kỳ cho SV theo quy định				
	1.4. Tổ chức khám sức khỏe đầu khóa và chăm sóc sức khỏe cho SV cho SV	- 100% SV nhập học được khám sức khỏe - 100% SV tham gia BHYT tự nguyện - 100% các trường hợp SV được giải quyết chế độ bảo hiểm y tế				
	1.5. Thực hiện các chuyên đề giáo dục chính trị - tư tưởng cho SV thông qua Tuần sinh hoạt cộng dân HS, SV đầu khoá, đầu năm, cuối khoá;	- Theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT - Từ năm 2020-2021: 03 lần/năm học				
	1.6. Thực hiện chương trình “Đối thoại dân chủ” giữa lãnh đạo Nhà trường, các phòng ban chức năng, Đoàn TN trường SV;	Tổ chức chương trình Đối thoại dân chủ SV 03 lần/năm				
	1.7. Xử lý nghiêm các trường hợp thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, ý thức công dân kém, vi phạm pháp luật, nội quy.	Đảm bảo phối hợp giải quyết 100% vụ việc liên quan người học				

	1.8. Đảm bảo thực hiện các tiêu chí chuẩn đầu ra của SV trường ĐHYK Vinh: vững về kiến thức chuyên môn, giỏi về kỹ năng, chuẩn mực về thái độ.	- Thực hiện chuẩn đầu ra các ngành theo quy định
	1.9. Tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV trong chương trình chính khóa và ngoại khóa.	- Tổ chức, phối hợp tổ chức các chương trình giao lưu VH-VN-TDTT, các lớp Kỹ năng mềm cho SV 03 đợt/năm
	1.10 Quan tâm và tổ chức tốt công tác tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ học bổng và cơ hội nghề nghiệp cho SV....	- Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp, giao lưu trao đổi và các diễn đàn giữa các SV với doanh nghiệp tuyển dụng ít nhất 03 hoạt động/năm - Tổ chức Ngày hội việc làm hàng năm (01lần/năm) - Thành lập và phát triển Quỹ hỗ trợ SV
	1.11. Giáo dục SV tinh thần tình nguyện, ý thức vì cộng đồng; nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội;	- Mỗi SV tham gia 03 ngày tình nguyện/năm
	1.12. Tích cực triển khai thực hiện các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội thiện nguyện, rèn luyện kỹ năng thực hành xã hội cho SV thông qua các chiến dịch tình nguyện hè do Đoàn TN trường tổ chức.	- Tổ chức các đợt hiến máu tình nguyện, đến năm 2019-2020 là 10 đợt - 100 % các chi đoàn, liên chi đoàn thực hiện tốt Chiến dịch tình nguyện hè hàng năm - Duy trì ít nhất 03 CLB, đội, nhóm hoạt động hiệu quả
	1.13. Tổ chức các buổi giao lưu với những người thành công trong công việc để SV được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, từ đó giúp SV lập kế hoạch phát triển cá nhân.	- Mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm với SV ít nhất 01lần/năm
	1.14. Phát triển tư tưởng nghiệp trong SV, hỗ trợ SV khởi nghiệp	- Đầu mạnh thông tin, truyền thông về khởi nghiệp trong SV - Thực hiện triển khai Kế hoạch Hỗ trợ SV khởi nghiệp từ năm học 2020-2021
2. Xây dựng, triển khai các chương trình giáo dục rèn luyện, hoạt động phong trào SV	2.1. Triển khai các chương trình giáo dục, rèn luyện theo quy định của Bộ GD&ĐT Triển khai các chương trình giao lưu VH-VN-TDTT nhằm giáo dục chính trị,	- Theo quy định - Tổ chức các chương trình VH-VN-TDTT ít nhất 03 lần/ năm - Phát triển Đảng trong SV: ít nhất kết nạp được 15SV /năm - Cử ít nhất 120 SV học lớp bồi dưỡng

theo 04 trụ cột: - Giáo dục chính trị, truyền thống, văn hóa dân tộc - Nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế - Nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn của SV - Chuẩn hóa chương trình tình nguyện, công tác xã hội	truyền thông, văn hóa dân tộc 2.2. Tăng cường tổ chức tạo điều kiện cho SV tham gia giao lưu quốc tế, trao đổi SV 2.3. Tăng cường hoạt động của CLB Y khoa trẻ, CLB Tiếng Anh,...: nâng cao chất lượng các hoạt động. Đẩy mạnh NCKH trong SV	lý luận chính trị cho đối tượng kết nạp đảng - Có SV đi Giao lưu quốc tế: 02 sv/năm - Trao đổi SV: Có ít nhất 03 SV đi học tập trao đổi hàng năm - Các CLB sinh hoạt ít nhất 01 lần/ tháng - Số lượng SV tham gia hàng năm tăng 10% - Số SV tham gia NCKH hàng năm tăng 10%
	2.4. Đa dạng loại hình, tăng số lượng hoạt động trong Chương trình tình nguyện, kết nối PVCD liên quan SV	- Đa dạng loại hình hoạt động: danh mục các hoạt động hàng năm tăng 10% - Số đợt tổ chức cho mỗi hoạt động hàng năm tăng 10%

2.8.3.3. Tầm nhìn đến năm 2030

- Hoàn thiện bộ máy quản lý, phân chia chức năng, nhiệm vụ về công tác SV cụ thể từ cấp trường đến cấp khoa/bộ môn;
 - 100% các khoa/bộ môn có tối thiểu một câu lạc bộ học thuật hoạt động hiệu quả;
 - Vận động các doanh nghiệp tặng 300 vé tàu xe/năm cho SV có hoàn cảnh khó khăn về quê trong các dịp lễ, tết;
 - 100% SV năm cuối tham gia các khóa học nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng phỏng vấn xin việc, luật lao động, kỹ năng sử dụng các thiết bị văn phòng...);
 - Có ký kết hợp tác thường xuyên với 20 doanh nghiệp sử dụng nguồn lao động do trường đào tạo;
 - Xây dựng ngân hàng dữ liệu thông tin về cựu SV;
 - Thành lập ban liên lạc Cựu SV của trường;
 - Tổ chức đối thoại, gặp gỡ Cựu SV - SV bằng các hoạt động phong phú, sinh động, bổ ích.
 - 100 % SV chấp hành quy định của pháp luật nhà nước.
 - 100% cố vấn học tập hoạt động tốt, hỗ trợ kịp thời cho SV khi có vấn đề cần trợ giúp.

2.8.4. Xây dựng văn hóa Đại học

2.8.4.1. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng môi trường văn hoá ĐH tự do học thuật, tự chủ, sáng tạo, nhân văn.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc với tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp; ứng xử lịch sự văn minh.
- Tạo dựng không gian ĐH văn minh, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

2.8.4.2. Nhóm giải pháp

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các qui chế, qui định trong Nhà trường theo hướng tự chủ, nhân văn.

- Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí về văn hóa ĐH trong từng nhóm đối tượng và trong từng lĩnh vực hoạt động của Trường.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển xây dựng văn hóa đại học

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2024-2025
1. Xây dựng môi trường văn hóa ĐH tự do học thuật, tự chủ, sáng tạo, nhân văn.	1.1. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các qui chế, qui định trong Nhà trường theo hướng tự chủ, nhân văn. 1.2. Triển khai các hoạt động xây dựng văn hóa ĐH	- Các quy chế, quy định được xây dựng đầy đủ đảm bảo quyền lợi, cơ bản cho CBVC, người học - Các hoạt động xây dựng văn hóa ĐH được tổ chức hàng năm : cuộc thi về văn hóa ứng xử, hoạt động vì cộng đồng - Tạo điều kiện phát huy quyền dân chủ cho CBVC và người học				
2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc với tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp; ứng xử lịch sự văn minh.	2.1. Phổ biến rộng rãi Quy tắc ứng xử trong CBVC, SV 2.2. Nghiên cứu, xây dựng, bộ tiêu chí về văn hóa ĐH trong từng nhóm đối tượng và trong từng lĩnh vực hoạt động của Trường.		- 100% CBVC, SV tiếp cận và thực hiện - Có bộ tiêu chí về văn hóa ĐH hoàn chỉnh và sử dụng để đánh giá cuối năm			
3. Tạo dựng không gian ĐH văn minh, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.	3.1. Xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp 3.2. Quy hoạch các khu vực học tập, ăn ở, vui chơi, giải trí khoa học		- 100% CBVC, SV có ý thức bảo vệ môi trường - Cơ sở hạ tầng trường được tu sửa hàng năm phù hợp với mục đích phát triển Nhà trường - Cơ sở vật chất được đầu tư đảm bảo điều kiện học tập, NCKH, sinh hoạt và tiết kiệm			

2.8.4.3. Tầm nhìn 2030

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động xây dựng văn hóa ĐH trong SV, như “ứng xử văn hóa SV”, “Tác phong cán bộ Đoàn, Hội SV Nhân văn”, “Mùa thi trung thực”, ...

2.9. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển phục vụ cộng đồng

2.9.1. Mục tiêu

- Giáo dục ý thức trách nhiệm công dân của SV với cộng đồng
- Tăng cường các hoạt động kết nối và PVCĐ

2.9.2. Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển lĩnh vực kết nối và PVCĐ

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tăng cường truyền thông, tạo sự gắn kết	1.1. Xác định đối tượng và thông điệp truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng truyền thông là các cá nhân, đơn vị liên quan đến mọi hoạt động của nhà trường. - Thông điệp truyền thông Giá trị cốt lõi là Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển 				
	1.2. Xác định công cụ truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> Xác định các công cụ truyền thông phải phù hợp cho từng năm: kết hợp hài hòa truyền thông xã hội, truyền thông trực tuyến, truyền thông truyền thống 				
	1.3. Xây dựng và đẩy mạnh các mục tiêu truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 3 hàng năm xây dựng mục tiêu truyền thông cho năm tiếp theo - Đưa tin về các hoạt động của Trường trong 24h kể từ lúc diễn ra sự kiện - Đảm bảo cung cấp đầy đủ và cập nhật các thông tin phục vụ người học theo quy định ba công khai, văn bản quy định, hướng dẫn thủ tục, CTĐT, kết quả học tập. - Đẩy mạnh truyền thông về giá trị cốt lõi của Trường, giới thiệu những gương mặt tiêu biểu. 				
2. Đa dạng hóa các hình, tăng cường khối lượng tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCĐ:	Hoạt động đào tạo					
	- Tăng mã ngành đào tạo sau ĐH (thạc sĩ, CKI)	- Thạc sĩ YTCC - Thạc sĩ Nội	- Thạc sĩ TMH	- CKII Nội	- Thạc sĩ Sản	Tăng mã ngành đào tạo sau ĐH (thạc sĩ, CKI)
	- Tăng hoạt động đào tạo liên tục	Mở rộng chuyên ngành, lĩnh vực phù hợp nhu cầu xã hội				
	- Tăng kết nối cơ sở thực tập lâm sàng	Kết nối chặt chẽ với các cơ sở Y tế hỗ trợ tốt SV thực tập lâm sàng				
	Hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ					
	- Triển khai các hoạt động hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển kinh tế địa phương, vùng sâu, vùng xa: - Có chính sách đền ngô nhằm thu hút giáo viên cơ	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng hoạt động hàng năm tăng 10 % + Định mức mức chi cho các hoạt động NCKH từ ngân sách nhà trường thỏa đáng với CBVC và phù hợp với bối cảnh xã hội (theo quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường hàng năm) 				

hữu và thỉnh giảng tham gia nghiên cứu	
- Học tập trao đổi	+ Tăng 10% CBVC và SV đi học tập trao đổi + Tăng hợp tác cho SV nước ngoài vào học tập trao đổi tại trường.
Hoạt động tư vấn, tư vấn sức khỏe, truyền thông phòng chống dịch bệnh, hoạt động khám chữa bệnh	
- Tăng cường hoạt động tư vấn sức khỏe, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh	+ Số lượng người tham gia hàng năm tăng 10% + Số lượng hoạt động hàng năm tăng 10 %
- Tăng cường hoạt động khám sức khỏe miễn phí	+ Số lượng CB,GV, NV tham gia hàng năm tăng 5 % + Số lượng chương trình tăng 10 % mỗi năm
- Tăng quy mô giường bệnh	Quy mô 200 giường bệnh vào năm 2025
- Tăng số lượng bệnh nhân điều trị ngoại trú	Tăng ít nhất 5% qua các năm, đến năm 2025 là 150000 bệnh nhân ngoại trú
- Tăng số lượng bệnh nhân điều trị nội trú	Tăng ít nhất 5% qua các năm, đến năm 2025 là 10000 bệnh nhân nội trú
- Triển khai các KT mới, tăng các xét nghiệm đáp ứng nhu cầu KCB của nhân dân và nâng cao chất lượng dạy học, NCKH:	Các KT: Xét nghiệm, X Quang, CT - Scanner, CT - Scanner, Siêu âm, Nội soi, Điện tim tăng ít nhất 5% qua các năm
- Tăng quy mô giường bệnh	Quy mô 200 giường bệnh vào năm 2020
- Tăng cường nhân lực về số lượng và chất lượng	CBVC đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng
- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị	Trang thiết bị ngày càng hiện đại
- Nâng cao chất lượng bệnh viện	Đạt tiêu chuẩn BV hạng II năm 2020, đạt 4,5-5/5 theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng BV Việt Nam.
Các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện, hoạt động hỗ trợ SV	
- Đẩy mạnh các hoạt động tình nguyện, mùa hè xanh,	+ Mỗi SV tham gia ít nhất 03 ngày tình nguyện + 100% chi đoàn, liên chi đoàn tổ chức tốt hoạt động tình nguyện

	<ul style="list-style-type: none"> - Hưởng ứng phong trào hiến máu nhân đạo 	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng SV hoạt động hiến máu nhân đạo hàng năm tăng 10 % + Số lượng CB, GV, NV tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo hàng năm tăng 10%
	<ul style="list-style-type: none"> - Phát động các hoạt động thiện nguyện 	<ul style="list-style-type: none"> + Mỗi SV tham gia ít nhất 01 hoạt động thiện nguyện/năm + Số lượng hoạt động hàng năm tăng 10 % + 100% CBVC tham gia đóng góp các loại Quỹ đèn ơn đáp nghĩa, vì người nghè + 100% các khoa, phòng ban, trung tâm Nhà trường hưởng ứng tham gia các đợt kêu gọi phát động hàng năm với các hình thức khác nhau
	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm nguồn tài trợ học bổng cho SV có hoàn cảnh khó khăn, SV xuất sắc trong học tập, rèn luyện Kêu gọi tài trợ nhằm phát triển Quỹ hỗ trợ SV 	<ul style="list-style-type: none"> + Hỗ trợ SV vay vốn ngân hàng CSXH, (cấp giấy xác nhận cho 100% Sv có nhu cầu) + Nguồn tài trợ cho SV hàng năm tăng ít nhất 10 % số tiền tài trợ + Quỹ hỗ trợ SV nhà trường, hàng năm số tiền quỹ tăng 30% + Triển khai kế hoạch hỗ trợ SV khởi nghiệp

2.9.3. *Tầm nhìn 2030:*

- Có 20 hợp đồng chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp địa phương
- Mở thường xuyên các lớp đào tạo liên tục đáp ứng nhu cầu y tế địa phương trong tỉnh và lân cận.
- Bệnh viện trường trở thành Trung tâm Khám chữa bệnh chất lượng cao phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.10. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất

2.10.1. *Mục tiêu chung*

Hiện đại hóa và hiệu quả hóa trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong công tác tài chính và quản trị thiết bị giáo dục. Đáp ứng ngày một tốt hơn cơ sở vật chất và nguồn lực tài đào tạo 8000 SV và chính phù hợp với sự phát triển của nhà trường; từng bước nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức.

2.10.2. *Mục tiêu cụ thể*

- Từ năm 2019-2025 hoàn thiện về cơ bản về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng quy mô đào tạo 8000 SV và 400 giảng viên.
- Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo sau đại học phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 – cơ sở 2. Đưa cơ sở 2 đi vào hoạt động
- Tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở 2 và đầu tư xây dựng thêm một số hạng mục,

công trình đáp ứng .

- Thực hiện quy hoạch tổng thể, xây dựng cơ sở hạ tầng thông thoáng, phát triển cơ sở vật chất tạo môi trường làm việc, học tập, nghiên cứu và thực tập thuận lợi, hiệu quả.

- Nâng cao hiệu quả trong đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

2.10.3. Nhóm giải pháp

- Đổi mới phương thức triển khai công tác xây dựng cơ bản: chủ động lập kế hoạch từng giai đoạn, hàng năm để tăng tốc công tác xây dựng cơ bản để đưa cơ sở 2 đi vào hoạt động.

- Ưu tiên sử dụng các nguồn kinh phí thường xuyên và không tự chủ vào trang bị phương tiện, trang thiết bị dạy học nhất là trang thiết bị phục vụ công tác dạy học thực hành, thực tập.

- Đầu tư xây dựng hệ thống mạng Internet nội bộ đạt tốc độ cao và hoạt động ổn định, thường xuyên phục vụ cho công tác giảng dạy – học tập và quản lý.

- Hiện đại hóa giảng đường, thư viện; xây dựng hệ thống thư viện điện tử để đảm bảo tối thiểu cho cán bộ, SV và bạn đọc trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu, tìm kiếm, tra cứu, quản lý tài sản, tài liệu thông qua hệ thống mạng Internet

- Phối hợp chặt chẽ với phòng đào tạo, tài chính và các bộ phận liên quan để triển khai công tác tăng cường cơ sở vật chất theo hướng: thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

- Tranh thủ sự hỗ trợ tích cực từ các cấp, ngành và các đơn vị có liên quan để hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn 1 và tiếp tục công tác giải phóng mặt bằng tại cơ sở 2.

2.10.4. Tầm nhìn đến năm 2030

- Hoàn thiện việc quy hoạch tổng thể hệ thống, đồng bộ hạ tầng cơ sở vật chất, giảng đường, Hội trường, phòng làm việc hiện đại, đạt chuẩn ngang tầm các trường đại học của Việt Nam.

- Xây dựng khu luyện tập thể dục, thể thao, nhà đa chức năng phục vụ cho các hoạt động của SV đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Các dự án đầu tư, nâng cấp thường xuyên cơ sở vật chất: Chủ động cân đối từ các nguồn thu, kêu gọi các nguồn tài trợ ngoài xã hội, tìm kiếm đối tác trong các chương trình liên kết giáo dục để tạo nguồn lực tài chính.

- Cơ sở 1, tại Phường Hưng Dũng, TP. Vinh.

- + Năm 2022, 2023 sửa chữa, cải tạo nhà kỹ thuật thực hành, Ký túc xá SV.

- Cơ sở 2 tại Xã Hưng Lộc, TP. Vinh:

- + Năm 2020 hoàn thành hồ sơ thủ tục cơ sở hạ tầng giai đoạn 1;

- + Năm 2021 triển khai giai đoạn 2: giải phóng mặt bằng và đầu tư các hạng mục công trình theo quy hoạch, kế hoạch;

+ Năm 2025 hoàn thành đưa vào khai thác.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN Giai đoạn 2019 - 2025
1. Nâng cấp trang thiết bị, học liệu hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH, có ưu tiên cho người có nhu cầu đặc biệt	1.1. Phòng học được trang bị máy móc thiết bị phục vụ dạy-học- NCKH 1.2. Trang bị đầy đủ, giáo trình, tài liệu tham khảo, đảm bảo được cập nhật mới 1.3. Số hóa tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu 1.4. Xây dựng các phòng tự học, các phòng học chuyên đề cho SV	100% phòng học được trang bị máy chiếu, âm thanh, điều hòa nhiệt độ, hệ thống Wifi 100% giáo trình nội sinh và tài liệu tham khảo được cập nhật hàng năm, 100% Giáo trình nội sinh được số hóa, số hóa từng phần kho sách tham khảo Đảm bảo các phòng học tự học, chuyên đề để SV có thể học nhóm, trao đổi, nghiên cứu ngoài giờ học chính khóa
2. Đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ phục vụ các hoạt động chuyên môn của nhà trường	2.1. Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tòa nhà cũ 2.2. Cải tạo hệ thống đường, mương thoát nước, điện chiếu sáng, bổ sung cây xanh, xung quanh khu vực trường 2.3. Xây dựng mới nhà làm việc, giảng đường lý thuyết, nhà đa chức năng đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường 2.4. Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác dạy học thực hành	100% các tòa nhà được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp phục vụ công tác chuyên môn Xây dựng cảnh quan xung quanh khu vực trường xanh sạch đẹp Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy, học tập, sinh hoạt rèn luyện của cán bộ, giảng viên, học sinh SV Đáp ứng nhu cầu dạy học thực hành của SV, đặc biệt là một số ngành học mới.
3. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý theo chuẩn số hóa để kết nối thông suốt, thuận tiện, hiệu quả trong quản lý	3.1. Trang bị hệ thống wifi, đường truyền internet tốc độ cao, các phòng máy tính hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc	Đầu tư mới, cải tạo nâng cấp, đảm bảo hệ thống hệ thống wifi, đường truyền internet tốc độ cao phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của cán bộ, giảng viên, SV. Đảm bảo các phòng máy tính hiện đại

điều hành, cũng như thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu		phục vụ dạy học, thi trắc nghiệm và nghiên cứu	
	3.2. Trang bị hệ thống phần mềm phục vụ giảng dạy, học tập và công tác chuyên môn	Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống phần mềm phục vụ các hoạt động chuyên môn của nhà trường.	
	3.3. Tin học hóa quy trình quản lý	Hoàn thiện và thường xuyên cập nhật phần mềm Eoffice, để 100% các hoạt động của nhà trường được giải quyết và xử lý trên Eoffice	
	3.4. Số hóa hệ thống thông tin người học	100% thông tin cá nhân và kết quả học tập rèn luyện của người học được số hóa đầy đủ.	

2.11. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển tài chính

2.11.1. Mục tiêu chung

Đáp ứng nguồn lực tài chính theo yêu cầu phát triển của Nhà trường; đảm bảo tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài chính; nâng cao thu nhập cho CBVC; chăm sóc tốt cho những đối tượng có nhu cầu đặc biệt; sớm thực hiện việc tự chủ ĐH về tài chính.

2.11.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường các nguồn lực tài chính, cả về quy mô và cơ cấu.
- Các nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD, hợp tác trong nước và quốc tế và các hoạt động khác của Nhà trường với quy mô ngày càng phát triển; hướng đến từng bước tăng cường cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, PVCD, hợp tác trong nước và quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao thu nhập cho CBVC và chăm sóc cho người có nhu cầu đặc biệt.

2.11.3. Nhóm giải pháp

- Đẩy mạnh công tác xây dựng dự án cơ sở 2 nhằm giải ngân đúng tiến độ; xây dựng các dự án phục vụ đào tạo, NCKH, PVCD sử dụng kinh phí nhà nước.
- Điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo theo chính sách mới của Nhà nước.
- Tăng cường việc liên kết với các cơ sở đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào

tạo, khai thác lợi thế về nhu cầu xã hội.

- Tăng cường, mở rộng các hoạt động KHCN, hoạt động dịch vụ; hình thành thêm một số tổ chức hoạt động khác để tăng cường nguồn thu cho hoạt động của Trường.

- Đẩy mạnh liên kết và HTQT để tranh thủ các nguồn vốn từ bên ngoài.

- Đẩy nhanh việc nâng cấp Bệnh viện Trường ĐHYK Vinh để tăng cường nguồn thu cho hoạt động của Trường.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng các biện pháp thiết thực. Cân đối hợp lý cơ cấu chi cho con người, cơ sở vật chất, nghiệp vụ chuyên môn và chi khác. Kế hoạch hoá việc sử dụng các nguồn kinh phí ở các đơn vị trong trường. Thực hiện việc công khai tài chính theo quy định.

2.11.4. Các chỉ tiêu

- Hàng năm, nguồn kinh phí nguồn ngân sách nhà nước cấp tăng khoảng 20%.

- Nguồn thu học phí tăng bình quân 20% mỗi năm, đạt tỉ lệ từ 60% đến 70% nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên.

- Nguồn thu từ các hoạt động NCKH, đào tạo ngắn hạn, dịch vụ, khám chữa bệnh đóng góp từ 10-20% tổng số nguồn thu tài chính.

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Tài chính

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC				
		20-21	21-22	22-23	23-24	24-25
1. Tăng quy mô, đa dạng hóa nguồn thu	1.1 Tăng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo ngắn hạn	5 tỷ	6 tỷ	7.2 tỷ	8.6 tỷ	10.3 tỷ
	1.2 Tăng nguồn thu từ các hoạt động NCKH và dịch vụ	Có nguồn thu từ hoạt động NCKH và hàng năm tăng 3-> 6% nguồn thu từ hoạt động NCKH				
	1.3 Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cựu SV đồng hành cùng với nhà trường trong việc tài trợ học bổng và các hoạt động ngoại khóa của SV, hoạt động NCKH	750 triệu	820 triệu	900 triệu	980 triệu	1.050 triệu
	1.4 Phát triển các Chương trình liên kết quốc tế					
2. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, tạo động lực cho sự phát triển	Xây dựng chính sách khuyến khích tìm kiếm hợp đồng nghiên cứu - chuyển giao CN	Xây dựng văn bản lập qui về chính sách khuyến khích tìm kiếm HD nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ				

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất	3.1 Khai thác cơ sở vật chất dùng chung ở các đơn vị	Xác định những CSVC có thể khai thác sử dụng chung để khai thác nguồn lực một cách hiệu quả
	3.2 Xây dựng và triển khai hệ thống dữ liệu thống kê tài chính giúp kịp thời ra quyết định	Hiệu chỉnh phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu thống kê tài chính
	3.3 Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản	Tiến hành rà soát, đánh giá, kiểm kê hàng năm về tình hình sử dụng tất cả tài sản trong trường để nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo quản tài sản tối ưu. Đặc biệt trong việc sử dụng chung TS, VT-TTB



Nguyễn Cảnh Phú